

BÁO CÁO

Tổng kết 05 năm Kế hoạch số 4493/KH-UBND ngày 02/6/2016 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho hệ thống chính trị tỉnh giai đoạn 2016-2020

I. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ¹ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025, UBND tỉnh xây dựng và ban hành các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho hệ thống chính trị tỉnh giai đoạn 05 năm và từng năm².

Ngoài ra, thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) và Văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Nội vụ³, UBND tỉnh Văn bản⁴ chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND cấp huyện đẩy mạnh thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là chương trình bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm; đồng thời, triển khai đầy đủ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức⁵.

¹ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025.

² Kế hoạch số 4493/KH-UBND ngày 02/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 8085/KH-UBND ngày 7/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ công chức cấp xã năm 2016 được ban hành tại Quyết định số 4237/QĐ-UBND ngày 28/12/2015; Kế hoạch số 12818/KH-UBND ngày 28/12/2016 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; Kế hoạch số 13713/KH-UBND ngày 28/12/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 và Kế hoạch số 13712/KH-UBND ngày 28/12/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2018. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ công chức cấp xã năm 2016 được ban hành tại Quyết định số 4237/QĐ-UBND ngày 28/12/2015; Kế hoạch số 12818/KH-UBND ngày 28/12/2016 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; Kế hoạch số 13713/KH-UBND ngày 28/12/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018; ; Kế hoạch số 13713/KH-UBND ngày 28/12/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019; Kế hoạch số 15300/KH-UBND ngày 30/12/2019 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020.

³ Văn bản số 3899/BNV-ĐT ngày 14/8/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCV năm 2019.

⁴ Văn bản số 11448/UBND-KGVX ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

⁵ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; Thông tư 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ Quy định đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài

Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2016-2020, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được tỉnh giao.

II. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch số 4493/KH-UBND

1. Về mục tiêu chung

Qua kết quả tổng hợp báo cáo của các sở, ngành và địa phương giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng 196.609 lượt cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với yêu cầu, định hướng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- a) Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị: 15.535 lượt CBCCVC.
- b) Đào tạo trình độ chuyên môn: 3.560 lượt CBCCVC.
- c) Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước: 19.474 lượt CBCCVC (theo tiêu chuẩn ngạch 4.332 lượt CBCCVC và theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức 15.142 lượt viên chức).
- d) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện, cấp phòng, cấp xã: 2.986 lượt CBCCVC.
- e) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, vị trí việc làm,: 142.742 lượt CBCCVC (trong đó, bồi dưỡng ở nước ngoài 237 lượt CBCCVC).
- f) Bồi dưỡng khác (QPAN, tin học, ngoại ngữ...): 12.312 lượt CBCCVC.

Qua đó, trang bị kiến thức, kỹ năng, nâng cao năng lực hoạt động thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hội nhập quốc tế và đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

Với kết quả cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng như trên là cơ sở để thực hiện các mục tiêu đề ra tại Quyết định 163/QĐ-TTg và Kế hoạch số 4493/KH-UBND như sau:

- a) Đối với cán bộ, công chức ở cấp tỉnh, cấp huyện

- Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý: Kết quả thực hiện bình quân đạt 98,91%.

- Mục tiêu bảo đảm hàng năm ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ: Kết quả thực hiện đến nay đạt 89,46% CBCC được cập nhật kiến thức pháp luật, đạo đức công vụ; 67,9% CBCC được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ,

b) Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Mục tiêu đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; 90% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm: Kết quả có 99,46% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; 98,33 % công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm.

- Mục tiêu hàng năm, có 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ: Kết quả thực hiện đạt 60,2%.

- Mục tiêu người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong thời gian 02 năm: Kết quả thực hiện đạt 98,9%.

c) Đối với viên chức

- Mục tiêu bảo đảm đến năm 2020, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: Kết quả thực hiện đến nay đạt 47,83%.

- Mục tiêu đến năm 2020, ít nhất 70% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm: Kết quả thực hiện đạt 85,96%.

- Mục tiêu hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành: Kết quả thực hiện bình quân đạt 63,9%.

d) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

- Mục tiêu 100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động: Kết quả thực hiện đạt 100%.

- Mục tiêu 100% đại biểu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong nhiệm kỳ: Kết quả thực hiện đạt 100%.

3. Về nhiệm vụ và giải pháp

a) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng

Qua 05 năm thực hiện, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng có chuyển biến tích cực, thể hiện qua việc 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; trong đó, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, quan tâm, tạo điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng gắn với tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý và bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; phối hợp thực hiện trong việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng theo quy định; sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý...

b) Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được đào tạo, bồi dưỡng; học và tự học, thực hiện học tập suốt đời

Quán triệt và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh: “Học để làm việc”, “Làm việc gì thì học để làm việc ấy cho tốt”; nhìn chung, cán bộ, công chức, viên chức đã chủ động, tích cực học tập với nhiều hình thức đa dạng. Qua đó, cán bộ, công chức, viên chức được trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm làm việc để không ngừng nâng cao năng lực làm việc, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với điều kiện thực hiện chính sách tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế của Đảng và Nhà nước.

c) Nghiên cứu xây dựng cơ chế đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế khuyến khích CBCCVC học và tự học để đảm bảo trình độ quy định.

Nhằm xây dựng cơ chế đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học và tự học để đảm bảo trình độ quy định, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi

học, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức⁶ và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức chi, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng⁷ và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều để phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương⁸.

d) Kế hoạch xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng của Trường chính trị tỉnh. Xây dựng Quy chế quy định trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Năm 2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Quyết định số 124-QĐ/TU về việc ban hành quy chế và tổ chức hoạt động của đội ngũ giảng viên kiêm chức của Trường Chính trị tỉnh.

Hiện nay, nhà trường vẫn tiếp tục duy trì việc mời đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ lãnh đạo, quản lý các tổ chức, các ngành, các lĩnh vực tham gia giảng dạy các vấn đề có liên quan, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của mỗi người. Đội ngũ giảng viên được tổ chức và quản lý hoạt động tuân thủ theo Quy chế Giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh⁹.

Thực hiện kế hoạch số 64-KH/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Trường Chính trị tỉnh đã chủ động đề xuất Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng, giảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các chuyên ngành lý luận chính trị của tỉnh.

e) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với Trường Chính trị tỉnh.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh luôn quan tâm và đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy, học và nghiên cứu cho nhà trường. Đồng thời, nhà trường từng bước củng cố, nâng cấp thư viện, tủ phòng đọc, nghiên

⁶Quyết định số 36/2017/QĐ- UBND tỉnh ngày 04/10/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

⁷Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

⁸Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND ngày 2/7/2010 quy định tạm thời mức chi hỗ trợ CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng; Quyết định số 36/2017/QĐ- UBND tỉnh ngày 04/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND. Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 180/2019/HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

⁹Ban hành kèm theo quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21/4/2016 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

cứu, số lượng đầu sách, chủng loại tài liệu; lắp đặt hệ thống máy chiếu tất cả các phòng học, xây dựng ký túc xá mới 7 tầng, mở rộng các hội trường,... Nhìn chung, tuy còn thiếu đồng bộ nhưng cơ sở vật chất bước đầu đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Tuy nhiên, trước đòi hỏi ngày càng cao của công tác đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh, tiếp tục cần có sự đầu tư nhiều hơn nữa nhằm cải tạo, nâng cấp và mở rộng thêm các phòng học, trang thiết bị phục vụ quá trình dạy và học theo phương pháp dạy học tích cực.

f) Biên soạn các chương trình bồi dưỡng về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; biên soạn các chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ.

Trên cơ sở phân công thực hiện đào tạo, bồi dưỡng quy định và chương trình khung do Trung ương ban hành, Trường chính trị tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan biên soạn các chương trình bồi dưỡng thuộc thẩm quyền tỉnh quản lý. Đồng thời, Trường chính trị và các đơn vị được tỉnh giao phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức biên soạn, đặt hàng cho các báo cáo viên về những vấn đề mới, những vấn đề liên quan sát hợp với yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí việc làm để cập nhật vào chương trình bồi dưỡng hàng năm, phù hợp với từng đối tượng, lớp học cụ thể.

g) Tổ chức đánh giá chất lượng bồi dưỡng

Thực hiện Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ¹⁰; tỉnh đã chỉ đạo triển khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; đồng thời, đề nghị các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khi phối hợp với đơn vị được giao mở lớp thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng và Thủ trưởng cơ quan đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng đối với CBCCVC thuộc quyền quản lý theo quy định.

Đối với Trường Chính trị tỉnh tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên theo Hướng dẫn của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Qua ý kiến phản hồi của người học, giúp Nhà trường bố trí giảng viên đúng chuyên môn, sát thực tiễn của mỗi bài giảng, mỗi môn học. Đồng thời, giúp mỗi giảng viên điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học và vận dụng nội dung phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh. Đối với việc đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng CBCCVC được Trường Chính trị tỉnh tổ chức khảo sát kết quả sau đào tạo đối với những học viên đã tốt nghiệp ra trường và trở về đơn vị công tác (định kỳ 02 năm/1 lần).

¹⁰ Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

h) Xây dựng kế hoạch và tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài cho cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện và giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện nhiệm vụ và giải pháp của Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về hợp tác quốc tế và Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế; UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài; quyết định cử 237 cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện và giảng viên các Trường dạy nghề và giáo viên dạy Tiếng Anh tham gia các khóa học ở nước ngoài phù hợp với chức danh và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đa dạng hóa hình thức bồi dưỡng, kết hợp bồi dưỡng lý thuyết trong nước với học tập, nghiên cứu thực tế ở nước ngoài.

4. Về kinh phí thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện quan tâm bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 163 Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCCVC của tỉnh giai đoạn 2016-2020. Tổng kinh phí thực hiện trong 05 năm khoảng 401.333.000.000 đồng. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo bồi dưỡng được thực hiện theo quy định hiện hành.

Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và một phần kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, một phần ngân sách hỗ trợ theo các Đề án, Chương trình được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và đóng góp của viên chức.

5. Phụ lục kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCCVC giai đoạn 2016-2020 (kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Mặt được

Nhìn chung qua 05 năm triển khai thực hiện, nhận thức của các cấp, các ngành, người đứng đầu về chức năng, vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng có sự chuyển biến tích cực, các nhiệm vụ và giải pháp nhìn chung được triển khai thực hiện đồng bộ.

Việc xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chế độ chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi học đã tạo điều kiện thuận lợi cho các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tích cực tham gia học tập.

Các mục tiêu kế hoạch đề ra cơ bản thực hiện đạt (3 mục tiêu đạt bình quân 99%, 03 mục tiêu đạt 100%) và vượt (4 mục tiêu). Số lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng tăng hơn gấp 2,5 lần so với giai đoạn trước, chủ yếu tập trung thực hiện các chế độ bồi dưỡng theo đúng quy định tại Nghị định 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ và định hướng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 163/QĐ-TTg và Chỉ thị 28/CT-TTg, tạo được bước chuyển tích cực trong công tác tổ chức bồi dưỡng, nhất là đẩy mạnh việc bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, vị trí việc làm... Qua đó, góp phần quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ CBCCVC các cấp đạt chuẩn theo quy định; kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức được cải thiện, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC còn một số hạn chế, khó khăn và nguyên nhân như sau:

- Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động rà soát, xác định nhu cầu để xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng và chọn cử CBCCVC thuộc phạm vi quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu, mục tiêu kế hoạch đề ra. Cán bộ, công chức, viên chức phần lớn phụ thuộc vào việc cử đi của đơn vị, chưa xuất phát từ nhu cầu tự thân, từ yêu cầu vị trí việc làm nên hiệu quả học tập chưa cao.

- Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chưa đảm bảo kế hoạch do tình hình ngân sách tỉnh khó khăn (năm 2018 - 2019) và đại dịch Covid-19.

- Mục tiêu hàng năm có 70% cán bộ, công chức được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ (kết quả đạt 67,9%); ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (kết quả đạt 47,83%) do nguyên nhân sau:

- + Số lượng cán bộ, công chức, viên chức phải bồi dưỡng hàng năm khá lớn mà công việc chuyên môn ngày càng nhiều, người làm việc ngày càng ít do thực hiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy nên việc tổ chức bồi dưỡng và cử CBCC đi bồi dưỡng ở các đơn vị còn hạn chế;

- + Một số bộ, ngành ở cấp Trung ương chưa ban hành đầy đủ và tổ chức các chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực bộ, ngành quản lý; các chương trình tài liệu bồi dưỡng được biên soạn chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu, yêu cầu công việc của người học. Một số sở, ngành chưa chủ động liên hệ với các Bộ ngành, địa phương để nắm bắt chương trình,

tài liệu, nhu cầu, nội dung bồi dưỡng để tham mưu tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

+ Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức chủ yếu từ nguồn kinh phí đơn vị sự nghiệp nên rất khó khăn cho các đơn vị, nhất là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

- Việc thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc cho CBCC người dân tộc Kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số không thực hiện do chưa có nhu cầu và hiện nay cũng chưa có tài liệu, đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc.

- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh còn hạn chế, khó khăn về tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, kinh nghiệm giảng dạy, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng... nên chưa đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng đối với CBCCVC.

- Các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ quan đảng, đoàn thể do Trung ương chưa ban hành. Công tác phân công, phối hợp trong quản lý, tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC gặp lúng túng, thiếu tập trung.

- Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng theo Thông tư số 10/2017/TT-BNV còn định tính, lúng túng, chưa thực sự phản ánh chất lượng bồi dưỡng.

- Chế độ báo cáo của các đơn vị không kịp thời và đầy đủ, khó khăn công tác tổng hợp báo cáo.

IV. Bài học kinh nghiệm

1. Các cấp, các ngành, người đứng đầu cơ quan đơn vị cần nâng cao nhận thức về vai trò, nhiệm vụ của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; bản thân cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập, xác định rõ "học để làm việc" và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực sự đủ năng lực thì chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được bảo đảm hơn, góp phần quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

2. Để việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đáp ứng mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra thì việc rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cần dựa trên nguyên tắc căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, yêu cầu vị trí việc làm và kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, của đơn vị.

3. Việc định hướng tập trung chủ yếu các chế độ bồi dưỡng cho CBCCVC (tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhất là bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo vị trí việc làm...) với nhu cầu lớn, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cần phải ngày càng nâng cao năng lực, chất lượng, xây dựng được đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn quản lý, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có chất lượng chuyên môn sâu,

chủ động sắp xếp, tổ chức bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu kế hoạch bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh.

4. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; có cơ chế, chính sách khuyến khích CBCCVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhất là nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức thì mới bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu đề ra.

5. Đa dạng hóa hình thức tổ chức bồi dưỡng; từng bước chuyển đổi hình thức tổ chức bồi dưỡng từ tập trung sang trực tuyến, kết hợp hình thức tổ chức bồi dưỡng trực tiếp và trực tuyến; tăng cường sự hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng, bồi dưỡng lý thuyết trong nước kết hợp với đi khảo sát thực tế ở nước ngoài, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện quy định, tránh lãng phí.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho hệ thống chính trị tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020. *lsc*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức TU;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Trường Chính trị;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, KGVX.

E/Hài-VX/5 2021



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số 5235/BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)



Đối tượng	Mục tiêu	Kết quả đạt được đến năm 2020
<p>1</p> <p>Đối với cán bộ, công chức ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện</p>	<p>Tập trung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định về trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng - an ninh, tin học, ngoại ngữ. Phần đầu đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý</p> <p>Bảo đảm hàng năm ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.</p>	<p>98,91% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý</p> <p>89,46% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 67,9% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.</p>
<p>2</p> <p>Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã</p>	<p>Đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; 90% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm</p> <p>Hàng năm, ít nhất 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ</p> <p>Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức người dân tộc Kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác</p>	<p>99,46% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; 98,33% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm</p> <p>Hàng năm, ít nhất 60,2% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ</p> <p>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số Đồng Nai ít, hầu hết sử dụng được tiếng Kinh. Mặt khác, hiện nay chưa có chương trình và giáo viên dạy tiếng dân tộc</p>
	<p>Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong thời gian 02 năm</p>	<p>98,9% người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong thời gian 02 năm</p>

Đối tượng	Mục tiêu	Kết quả đạt được đến năm 2020
3 Đối với viên chức	Bảo đảm đến năm 2020, ít nhất 60% và đến năm 2025, 100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	47,83% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
	Đến năm 2020, ít nhất 70% và đến năm 2025, 100% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bỏ nhiệm	85,96% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bỏ nhiệm
4 Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành	63,9% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành
	100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động	100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động
	Đại biểu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong nhiệm kỳ	100% Đại biểu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong nhiệm kỳ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Đính kèm Báo cáo số 5235/BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



Stt	Nội dung công việc	Các hoạt động, sản phẩm	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả đạt được đến năm 2020
1	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng	Các hội thảo, hội nghị, buổi phát thanh, truyền hình	2016 - 2025	Thông qua các buổi hội thảo, hội nghị, buổi phát thanh, truyền hình
2	Nâng cao trách nhiệm của ban thân cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được đào tạo, bồi dưỡng; học và tự học, thực hiện học tập suốt đời	Các hội thảo, hội nghị, buổi phát thanh, truyền hình	2016 - 2025	
3	Nghiên cứu xây dựng cơ chế đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học và tự học để đảm bảo trình độ quy định, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực làm việc	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng	2016 - 2020	- Quyết định 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh - Quy chế đào tạo, bồi dưỡng của các sở, ngành, địa phương
4	Kế hoạch xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Kế hoạch và các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị	2016 - 2025	Trường Chính trị tỉnh đã tham mưu xây dựng đội ngũ giảng viên kiểm chức, thỉnh giảng, giảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các chuyên ngành lý luận chính trị của tỉnh

Stt	Nội dung công việc	Các hoạt động, sản phẩm	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả đạt được đến năm 2020
5	Xây dựng Quy chế quy định trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Quy chế của các bộ, ngành và địa phương	2016	Trường Chính trị tỉnh thực hiện theo Quy chế Giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
6	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		2016 - 2020	Trường Chính trị tỉnh được đầu tư nâng cấp thư viện, phòng đọc, lắp đặt hệ thống máy chiếu, xây dựng ký túc xá mới 7 tầng, mở rộng các hội trường đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường
7	Biên soạn các chương trình bồi dưỡng về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp	Chương trình, tài liệu bồi dưỡng	2016-2020	Trường Chính trị tỉnh phối hợp với các sở, ngành có liên quan, biên soạn chương trình, tài liệu, bồi dưỡng
8	Biên soạn các chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ	Chương trình, tài liệu bồi dưỡng	2016 - 2025	
9	Thực hiện quản lý chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		2021 - 2025	Triển khai thực hiện Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Stt	Nội dung công việc	Các hoạt động, sản phẩm	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả đạt được đến năm 2020
10	Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng	Báo cáo đánh giá chất lượng, đào tạo, bồi dưỡng	2016 - 2025	Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đánh giá lồng ghép vào trong báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và báo cáo kết quả tổ chức lớp
11	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Kế hoạch hàng năm	2016 - 2025	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng ở nước ngoài từ năm 2016-2017. Không tổ chức các khóa bồi dưỡng năm 2018-2020.



KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số 5235 /BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung	Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn						KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý				Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó		
		Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cấp		Cấp phòng	Cấp huyện	Cấp xã	Phòng An ninh						Ngữ	Học	Tộc
1	Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện	Chuyên viên cao cấp	0	0	0	0	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0	0	1		
		Chuyên viên chính	25	0	0	6	20	104	1	0	4	28	0	0	0	0	265	48	17	13	0	36	10	4	0	581	2	105
		Chuyên viên	318	1031	15	214	1	163	854	0	2	130	76	0	1	5635	43	773	34	0	1952	91	20	0	11353	41	2288	
2	Cán bộ, công chức cấp xã	Công chức tập sự	0	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	106	0	25
		Tổng 1	343	1036	19	226	34	267	984	0	6	158	82	0	1	5988	92	790	47	0	2009	102	25	0	12209	44	2443	
		Cán bộ, công chức cấp xã	179	308	26	180	0	3	712	0	0	18	31	0	0	930	0	0	0	0	471	0	0	0	3214	22	586	
3	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Tổng 2	204	1265	133	360	0	3	1979	0	0	28	44	14	0	6061	0	0	0	0	1418	145	0	0	12074	102	1914	
		Tổng 1+2+3	552	3091	504	1078	34	270	2963	0	6	187	148	55	49	18657	92	790	47	420	4708	307	25	0	33983	270	5397	

Kinh phí sử dụng cho công tác DT, BD CBCC ở trong nước giai đoạn 2016 - 2020: 90.970 (ĐVT: triệu đồng)
 Trong đó: Ngân sách TW: ; Ngân sách ĐP: 90.970 triệu đồng ; Nguồn khác:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số 5235 /BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung	Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Chức danh nghề nghiệp				Chuyên môn			Chức vụ quản lý		KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó		
		Cao cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Hạng I	Hạng g II	Hạng III	Hạng IV	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng							Cấp phòng	LĐQL đơn vị sự nghiệp	CL
1	Hạng I	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Hạng II	4	18	0	50	0	9	16	0	7	0	0	1	0	0	1	41	107	49	3	2	0	301	0	149
	Hạng III	65	368	25	149	0	28	476	0	107	95	0	3	61	91	1	90	919	333	33	52	0	3077	21	821
	Hạng IV	0	12	12	71	0	0	27	0	0	5	32	0	0	18	7	13	180	21	9	29	0	431	3	223
Tổng 1		69	398	37	270	0	37	519	0	6	114	100	32	3	62	110	144	1206	403	45	83	0	3810	24	1193
2	Hạng I	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	1	0	0	1	1	0	9	0	4
	Hạng II	39	1222	433	2524	0	9	53	0	1	3062	203	8	0	40	148	534	12413	2013	248	119	0	23153	138	7241
	Hạng III	79	2957	486	711	0	22	352	0	4	5689	1953	266	20	559	657	279	100338	2276	696	718	0	118505	2516	73329
	Hạng IV	6	80	355	644	0	0	73	0	2	24	3582	93	0	23	837	20	8616	1217	335	424	10	16912	252	6264
Tổng 2		124	4259	1274	3879	0	31	478	0	10	8775	5738	367	23	622	1642	834	121367	5506	1280	1262	10	158579	2906	86838
Tổng 1+2		193	4657	1311	4149	0	68	997	0	16	8889	5838	399	26	684	1752	978	122573	5909	1325	1345	10	162389	2930	88031

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD CBCC ở trong nước giai đoạn 2016 - 2020: 273.789 (ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách ĐVSNCL: 129.661 triệu đồng; Nguồn khác: 144.128 triệu đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



BM - 3

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số 5235 /BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung		Lý luận chính trị		Quản lý nhà nước			Chức danh nghề nghiệp			Chuyên môn		Chức vụ quản lý			KT, KN chuyên ngành: Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó			
		Cấp tỉnh và tương đương	Cấp huyện và tương đương	Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cấp sở	Cấp huyện							Cấp phòng	Cấp xã	Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cán bộ, công chức	Cấp tỉnh và tương đương	12	21	1	19	11	0	0	0	0	0	5	13	0	0	0	0	31	13	0	0	148	0	0	
		Cấp sở và tương đương	29	29	16	28	25	0	0	0	5	10	2	54	0	57	0	176	48	12	2	0	482	1	108	
		Cấp huyện và tương đương	0	0	6	31	0	0	0	0	0	0	6	0	0	42	41	0	21	15	0	0	0	203	0	52
		Cấp phòng và tương đương	201	62	5	179	90	0	0	0	2	63	10	69	19	284	118	974	370	21	4	4	32	2230	9	328
Tổng 1		242	112	28	257	126	0	41	0	7	79	17	136	61	404	118	1171	464	46	6	32	3063	10	488		
2	Viên chức	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	4	11	0	7	8	0	6	1	2	1	0	8	2	2	0	7	7	1	2	0	69	0	5	
		Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thuộc sở	109	382	0	29	38	4	665	222	1	78	148	9	20	350	0	2887	524	130	122	109	5824	25	1207	
		Lãnh đạo cấp phòng thuộc DVSNCL	56	427	0	32	136	0	162	89	10	129	26	1	39	328	12	957	244	64	83	18	2775	10	323	
		Tổng 2	169	820	0	68	182	4	833	312	13	208	174	18	61	680	12	3851	775	195	207	127	8668	35	1535	
Tổng 1 + 2		411	932	28	325	308	4	874	312	20	287	191	154	122	1084	130	5022	1239	241	213	159	11731	45	2023		



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

BM - 4

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số 5235 /BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung	Bồi dưỡng kỹ năng hoạt động của đại biểu HDND	Bồi dưỡng, cấp nhật	Tổng số	Trong đó	
						Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cấp tỉnh		87	173	260	90	
2	Cấp huyện		348	206	554	97	
3	Cấp xã		3489	1576	5065	892	
		Tổng số	3924	1955	5879	1079	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



BM - 5

**KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**
(Kèm theo Báo cáo số 5235 /BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng										Thời gian			Tổng số		Trong đó	
			Quản lý, điều hành chương trình KT - XH	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước, chuyên ngành, lĩnh vực	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	Chính sách công, dịch vụ công	Kiến thức hội nhập	Phương pháp giảng dạy	Ngoại ngữ	Nội dung khác	Từ 1 năm	Từ 1 - 12 tháng	Dưới 1 tháng	Tổng số	Người dân tộc thiểu số	Nữ		
1	Cán bộ, CC lãnh đạo, quản lý	Lãnh đạo cấp Bộ, ngành TW và lãnh đạo cấp tỉnh	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	0		
		Cấp vụ, sở, huyện và tương đương	5	8	13	7	4	2	0	0	9	2	4	37	48	1	5		
		Cấp Phòng và tương đương	2	3	45	0	4	1	2	0	11	1	25	37	2	26			
		Tổng 1	8	11	58	7	8	4	2	0	20	3	29	74	118	3	31		
2	Công chức tham mưu, hoạch định chính sách		0	1	5	0	0	0	0	0	7	2	1	13	1	6			
			0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	5	5	0	4			
3	Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng		0	0	0	0	0	0	0	27	1	4	0	32	0	4			
			0	0	0	0	0	25	3	7	34	5	3	65	74	0	30		
4	Đối tượng khác		0	0	4	0	0	25	3	7	34	5	3	65	74	0	30		
			0	0	4	0	0	25	3	7	34	5	3	65	74	0	30		
		Tổng 1 + 2 + 3 + 4	8	12	67	7	8	29	32	8	65	10	38	140	237	4	71		

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD CBCVC nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020: 36.574 (ĐVT: triệu đồng)
 Trong đó: Ngân sách TW: ; Ngân sách ĐP: ; Nguồn khác: 36.574 triệu đồng